

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 19 - 8 - 2022  
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Chương và Ông Võ Xuân Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bạch Nh, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm: 1987; nơi cư trú: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24 tháng 5 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Bạch Nh trình bày:*

Chị và anh Đặng Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại UBND phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, không chăm lo, quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi và to tiếng, nhiều lần anh T đánh đập Chị. Chị và anh T sống ly thân nhau, không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Thị

Bảo Ng, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018; sau ly hôn, Chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Nh không có yêu cầu gì khác.

*Lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với trình bày của chị Nh về thời gian và địa điểm kết hôn. Anh cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nên đã ly thân nhau khoảng 02 năm nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì Anh đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh và chị Nh ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Thị Bảo Ng, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018, sau khi vợ chồng ly thân, chị Nh không tạo điều kiện cho anh được thăm con; mặt khác, chị Nh không chăm con chu đáo, thường xuyên đi sớm về muộn, vì tình cảm nên anh mong muốn Tòa án giải quyết cho được nuôi con, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Bạch Nh có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Văn T, đây là tranh chấp về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Đặng Văn T có nơi cư trú tại tổ dân phố Minh Lợi, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Nh và anh T đều xác nhận giữa hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, việc ai người đó làm, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến hai bên thường cãi vã, xúc phạm nhau, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; hai bên đã cố gắng tháo gỡ vướng mắc, gắn kết hạnh phúc nhưng không được, dẫn đến ly thân nhau đã 02 năm nay. Tại phiên tòa, chị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nh và anh T là có thật, làm cho

hôn nhân hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh T cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý, sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bạch Nh.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Anh, Chị xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Thị Bảo Ng, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2018; Anh, Chị đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nh trình bày con chung sống với chị Nh từ 02 năm nay, Chị vẫn một mình nuôi con, không có bất kỳ sự đóng góp, trợ giúp nào từ anh T. Anh T thừa nhận con chung vẫn ở với chị Nh từ khi vợ chồng ly thân; tuy nhiên, do chị Nh không tạo điều kiện cho anh được thăm con, không chăm con chu đáo, thường xuyên đi sớm về muộn, vì tình cảm nên anh mong muốn Tòa án giải quyết cho được nuôi con. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận hiện bản thân không có chỗ ở ổn định, làm nghề lao động tự do; không chứng minh được thu nhập, điều kiện tốt để nuôi con. Mặt khác, cháu Ng hiện đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc từ người mẹ, chị Nh trình bày hiện tại chị làm nghề lao động tự do, có thu nhập, cam đoan đủ điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ng cho chị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét thêm.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Bạch Nh và anh Đặng Văn T đều xác định vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Bạch Nh phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Bạch Nh; xử cho chị Trần Thị Bạch Nh được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 12/3/2019, tại Ủy ban nhân dân phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: giao con chung Đặng Thị Bảo Ng, sinh ngày 24 tháng 8 năm 20218 cho chị Trần Thị Bạch Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Trần Thị Bạch Nh không yêu cầu anh Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con. Sau này, chị Nh có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền qua lại thăm con; chị Nh và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bạch Nh chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003391 ngày 15 tháng 6 năm 2022. Chị Nh đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2022).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND phường Ba Đồn  
(NĐKKH: 12/3/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

**Phan Anh Đức**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thắng    Đoàn Thị Thái**

**Phan Anh Đức**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Hòa      Hoàng Công Nghĩa      Phan Anh Đức**